TAND HUYỆN YÊN ĐỊNH **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 18-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Bà Phạm Thị Cung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 20/8/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: TGĐ

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Doãn Tuấn.

Chức vụ: PGĐ phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Yên Định.

- *Bị đơn*: Bà ĐTK , sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 1 (nay là thôn Bùi Hạ 1), xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị VA, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

2. Chị HT, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 1 (nay là thôn B), xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt ông Tuấn, vắng mặt bà ĐTK, chị VA, chị HT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2018, bản tự khai ngày 04/9/2018, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Phan Doãn Tuấn trình bày:

Ngày 18/10/2010 Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Định có cho ông THL vay theo chương trình học sinh sinh viên để trang trải học tập cho con là VA khi đó là Sinh viên trường Cao đẳng nghề Long Biên theo quy định của nhà nước với số tiền xin vay là 25.800.000đ, được giải ngân làm nhiều đợt trong suốt quá trình chị VA học, thời hạn vay tối đa là 84 tháng.

Ông THL đã nhận được từ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 17.200.000đ, cụ thể: Ngày 09/12/2010 nhận số tiền 4.300.000đ, lãi suất 0,5%/tháng, ngày 12/3/2011 nhận số tiền 4.300.000đ, lãi suất 0,5%/tháng, ngày 21/12/2011 nhận số tiền là 4.300.000đ, lãi suất 0,65%/tháng, ngày 19/02/2012 nhận số tiền 4.300.000đ, lãi suất 0,65%/tháng. Năm 2013 chị VA ra trường nên khoản tiền trên không được giải ngân nữa.

Ngày 26/9/2013 ông THL chết nên bà ĐTK là vợ đã có đơn đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội chuyển người đại diện vay vốn từ ông THL sang tên bà ĐTK để thuận tiện trong quá trình giao dịch với Ngân hàng.

Ngày 12/6/2016 Ngân hàng chính sách và bà ĐTK có thỏa thuận chốt lại thời hạn cuối trả nợ là ngày 05/9/2016. Đến hạn trả nợ bà ĐTK đã làm đơn xin gia hạn nợ 12 tháng, được Ngân hàng chấp nhận gia hạn đến ngày 05/9/2017 bà ĐTK phải thanh toán toàn bộ gốc và lãi.

Đến hạn mà bà ĐTK không thực hiện việc trả nợ, nên ngày 12/9/2017 Ngân hàng chính sách đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Sau đó Ngân hàng cũng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà ĐTK cố tình không trả. Để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu bà ĐTK phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc là 17.200.000đ, và lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2019, bà ĐTK trình bày:

Vào năm 2010 gia đình bà có làm hồ sơ vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội, vay được số tiền 17.200.000đ để trang trải chi phí cho con gái của bà là VA đi học chuyên nghiệp. Khi vay chồng bà là ông THL đứng ra làm thủ tục vay và nhận tiền vay, đến năm 2013 ông THL bị bệnh hiểm nghèo chết nên bà đã nhận trả nợ khoản nợ trên với ngân hàng chính sách, cũng là để tiện trong quá trình giao dịch với ngân hàng. Quá trình vay nợ bà đã thực hiện việc trả lãi đầy đủ, đến năm 2017 thì bà không trả nữa vì khi đó bà cho rằng xã Y đang còn nợ tiền đền bù đất của bà, khi nào bà nhận được tiền từ xã Y thì bà sẽ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Đến nay xã Y vẫn chưa trả cho bà nên bà chưa có tiền để trả cho Ngân hàng. Bà ĐTK cũng khẳng định, bà sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ của Ngân hàng chính sách vì bà là người nhận nợ, không liên quan gì đến các con bà.

Theo kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của TAND huyện Thiệu Hóa đối với chị VA, tại bản tự khai ngày 19/3/2019, chị VA trình bày: Năm 2010 bố mẹ của chị có làm hồ sơ vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định theo

chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên để trang trải học tập cho chị. Nhưng số tiền này khi ra trường đi làm, chị đã đưa cho bà ĐTK trả nợ nhưng không biết bà ĐTK đã trả nợ hay chưa. Nay bố chị đã chết, mẹ chị là bà ĐTK phải có trách nhiệm trả số nợ này cho Ngân hàng, chị không còn trách nhiệm gì đối với khoản nợ này nữa. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Đối với chị HT là con của ông THL nên thừa kế các quyền và nghĩa vụ về tài sản khi ông THL chết, tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Trang không đến làm việc nên không có ý kiến của chị trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà ĐTK phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tiền gốc 17.200.000đ và lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Bà ĐTK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà ĐTK là bị đơn trong vụ án, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1 (nay là thôn Bùi Hạ 1), xã Y, huyện Yên Định. Do đó Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đến làm việc nhưng đều không đến nên không thực hiện được việc hòa giải tranh chấp cho các bên. Tòa án cũng nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp vào gia đình bà ĐTK nhưng không làm việc được với bà. Ngày 15/7/2019 Tòa án đến nhà giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gặp bà ĐTK và hướng dẫn cho bà làm bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về nội dung vụ kiện.

Đối với chị VA đã được Tòa án ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện Thiệu Hóa, chị VA đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

Ngày 26/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, bà ĐTK có mặt nhưng chị HT là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 22/8/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, bà ĐTK là bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 18/9/2019 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà ĐTK , chị VA và chị HT vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Gia đình bà ĐTK, ông THL có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 17.200.000đ, đến hạn trả nợ năm 2017 bà ĐTK cố tình không trả nợ, nên Ngân hàng chính sách đã khởi kiện yêu cầu bà ĐTK hoàn trả số nợ mà gia đình bà đã vay, việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 249 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:

Giao dịch dân sự được ký kết trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nhưng do giao dịch đang được thực hiện, có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định tương ứng về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp, phù hợp với điều khoản chuyển tiếp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đây là quan hệ vay tài sản của tổ chức tín dụng đối với cá nhân, nên lãi suất được áp dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn áp dụng về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án giữa bên nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Ngày 18/10/2010 giữa gia đình bà ĐTK và Ngân hàng chính sách xã hội có ký kết hợp đồng vay vốn học sinh, sinh viên để cho con gái bà ĐTK là chị VA trang trải học tập, trong thời gian chị VA học, gia đình bà ĐTK đã có 03 lần nhận tiền từ Ngân hàng chính sách xã hội với tổng số tiền 17.200.000đ. Năm 2013 ông THL chủ hộ chết, bà ĐTK là vợ ông THL đã đứng ra thừa kế khoản nợ với Ngân hàng chính sách, được ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 05/9/2017 phải thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Đến hạn trả nợ bà ĐTK không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng Chính sách xã hội đã chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn. Từ đó đến nay bà ĐTK không thực hiện việc trả lãi cũng như trả gốc cho Ngân hàng và vẫn còn nợ toàn bộ số tiền gốc là 17.200.000đ. Đây là các tình tiết của sự việc đã được các bên thừa nhận, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không cần phải chứng minh.

Bà ĐTK thừa nhận nội dung yêu cầu trả nợ của Ngân hàng chính sách đối với bà là đúng thực tế, nhưng bà cho rằng do xã Y đang nợ của bà một khoản tiền, khi nào bà nhận được sẽ trả hết nợ. Việc bà ĐTK đưa ra lý do như trên để chưa trả nợ cho Ngân hàng là không phù hợp vì không liên quan đến quan hệ tranh chấp mà Ngân hàng chính sách xã hội đang khởi kiện bà.

Căn cứ vào các tình tiết sự việc, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đòi nợ của phía nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiên của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà ĐTK phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng.

Đối với các con của bà ĐTK và ông THL là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bà ĐTK đã nhận nghĩa vụ trả nợ số nợ của gia đình cho Ngân hàng chính sách, việc nhận nợ này là tự nguyện. Do đó chị VA và chị HT không phải liên đới thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng chính sách xã hội có quyền thỏa thuận về lãi suất với khách hàng. Ngày 09/12/2010 giải ngân 4.300.000đ, lãi suất 0,5%/tháng; ngày 12/3/2011 giải ngân 4.300.000đ, lãi suất 0,5%/tháng, ngày 21/12/2011 giải ngân 4,300.000đ, lãi suất 0,65%/tháng, ngày 19/02/2012 giải ngân 4.300.000đ, lãi suất 0,65%/tháng. Khi bà ĐTK không thực hiện được việc trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản vay của gia đình bà sang nợ quá hạn, với lãi suất bằng 130% lãi suất trong hạn. Lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật cũng như chủ trương của nhà nước về việc cho vay nguồn vốn hỗ trợ học sinh, sinh viên, nên được chấp nhận, buộc bà ĐTK phải thanh toán cùng với tiền gốc số tiền lãi phát sinh như đã thỏa thuận.

Tính đến ngày xét xử, số tiền lãi phát sinh của bà ĐTK là 10.482.316đ bà ĐTK đã nộp được 7.021.241đ tiền lãi, số tiền lãi còn lại là 3.461.075đ (*làm tròn thành 3.461.000đ*). Do đó tổng nợ gốc và lãi mà bà ĐTK phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách là: 17.200.000đ + 3.461.000đ = 20.661.000đ (*Hai mươi triệu sáu trăm sáu mốt nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Ngân hàng chính sách xã hội thuộc diện được miễn án phí.

Bà ĐTK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc bà ĐTK phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc là 17.200.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), lãi phát sinh chưa thanh toán 3.461.000đ (*Ba triệu bốn trăm sáu mốt nghìn đồng*), tổng cộng: 20.661.000đ (*Hai mươi triệu sáu trăm sáu mốt nghìn đồng*).

2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà ĐTK còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3. Về án phí: Bà ĐTK phải chịu 1.033.000đ (*Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng